TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Khon
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Anh Trần Thanh Ph, sinh năm 1977 (Có mặt).
Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
-*Bị đơn:* Ông Lưu Văn B, sinh năm: 1966.
Bà Đặng Thị E, sinh năm 1970.
Cùng địa chỉ: Ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.
(Ông B, bà E vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/2/2019 cùng bản tự khai anh Trần Thanh Ph trình bày: Ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E ký hợp đồng số: 08082017 ngày 08/8/2017 (DL) và biên nhận ngày 08/8/2017 ký nhận vay của anh Ph số tiền gốc là 15.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời gian trả trong vòng 12 kỳ, tiền lãi của 12 tháng cho số tiền gốc là 1.800.000đồng. Tổng số tiền là gốc, lãi là 16.800.000đồng, chia đều mỗi kỳ trả gốc, lãi phải trả số tiền 1.400.000đồng. Thời gian trả nợ từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/8/2018. Từ khi vay đến nay ông B, bà

E không trả theo thỏa thuận mà chỉ trả được 10 kỳ là với số tiền 14.000.000đồng, hiện còn nợ lại anh Ph 2.800.000đồng.

Tại Tòa anh Ph yêu cầu ông B, bà E liên đới trả số tiền gốc và lãi còn nợ lại theo thỏa thuận là 2.800.000đồng.

Đối với bị đơn ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E , sau khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 13 tháng 3 năm 2019, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn theo biên bản tống đạt ngày 15 tháng 3 năm 2019 ông B bà E từ chối nhận văn bản, hết thời hạn có văn bản trả lời cho Tòa án, ông B, bà E không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 10 tháng 5 năm 2019, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, ông B, bà E từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do. Ngày 30 tháng 5 năm 2019 Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai, ông B, bà E từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ được thu thập hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà ý kiến của nguyên đơn, của bị đơn, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Ph và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn là ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E có nơi cư trú tại ấp Nh, xã A, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được để tiếp tục giải quyết vụ án.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST – DS, vụ án được xét xử vào lúc 14 giờ ngày 31 tháng 7 năm 2019, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST – DS, ngày 31 tháng 7 năm 2019, phiên tòa được xét xử vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 29/8/2019, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét tại hợp đồng vay tiền do ông B, bà E ký hợp đồng số: 08082017 ngày 08/8/2017 (DL) và biên nhận ngày 08/8/2017 ký nhận vay của anh Ph số tiền gốc là 15.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời gian trả trong vòng 12 kỳ, tiền lãi của 12 tháng cho số tiền gốc là 1.800.000đồng. Tổng số tiền là gốc, lãi là 16.800.000đồng, chia đều mỗi kỳ trả gốc, lãi phải trả số tiền 1.400.000đồng. Thời gian trả nợ từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/8/2018. Từ khi vay đến nay ông B, bà E không trả theo thỏa thuận mà chỉ trả được 10 kỳ là với số tiền 14.000.000đồng, hiện còn nợ lại anh Ph 2.800.000đồng.

Tại Tòa anh Ph yêu cầu ông B, bà E có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi còn nợ lại là 2.800.000đồng, nên phát sinh "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Điều 463 ghi: *" Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thảo thuận hoặc pháp luật có quy định".*

[2.1] Xét đối với bị đơn ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai và tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B, bà E vẫn không đến tòa án giải quyết. Vì vậy căn cứ vào chứng cứ chứng minh của ông Phương đối với hợp đồng vay số: 08082017 ngày 08/8/2017 (DL) và biên nhận ngày 08/8/2017 thì việc ông B, bà E vay của anh Ph, số tiền gốc là 15.000.000đồng, thỏa thuận trả lãi là 1.800.000đ, đã trả được 14.000.000đồng, còn nợ lại 2.800.000đồng là có thật. Vì vậy buộc ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E có trách nhiệm liên đới trả cho anh Ph số tiền gốc và lãi còn nợ lại là 2.800.000đồng (Hai triệu, tám trăm nghìn đồng) là phù hợp 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh Ph.

Buộc ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Trần Thanh Ph số tiền còn nợ 2.800.000đồng (Hai triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 29/8/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Văn B, bà Đặng Thị E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Ph 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BH/2017/ 0009263 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/8/2019).

Bị đơn vắng mặt có quyến kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND H.Thanh Bình;
-TAND tỉnh Đồng Tháp;
-CCTHADS H.Th;
-Các đương sự;
-Lưu Hồ sơ & Văn Phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh